

MỘT SỐ YẾU TỐ CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Vũ Hoàng Đức*, Đỗ Thị Vân Anh*

Email: ducvh@ehou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/09/2023

Ngày phản biện đánh giá: 11/04/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 26/04/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.383

Tóm tắt: Bài viết phân tích một số yếu tố ảnh hưởng việc lựa chọn chương trình đào tạo trực tuyến của sinh viên tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Dựa trên khảo sát ngẫu nhiên các sinh viên đang theo học chương trình đào tạo trực tuyến của Trường Đại học Mở Hà Nội, kết quả chỉ ra có 4 yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của sinh viên gồm: “Khả năng chi trả, cơ hội nghề nghiệp, đặc điểm trường đại học và yếu tố truyền thông”. Đặc biệt yếu tố khả năng chi trả có ảnh hưởng mạnh nhất đến quyết định chọn chương trình học phù hợp của người học.

Từ khóa: đào tạo trực tuyến, yếu tố ảnh hưởng, quyết định tham gia, hành vi.

I. Đặt vấn đề

Trường Đại học Mở Hà Nội (HOU) đã xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến (ĐTTT) hoàn chỉnh từ năm 2008 và là cơ sở giáo dục đại học đầu tiên trong cả nước có hệ thống đào tạo và cấp bằng trực tuyến hoàn thiện. Từ sau đại dịch COVID-19, hiện Việt Nam có khá nhiều các trường đào tạo cử nhân hệ từ xa trực tuyến. Việc thu hút sinh viên ngày càng trở nên cấp thiết hơn khi sự cạnh tranh giữa các trường đại học trở nên khốc liệt. Đứng trước tình hình trên, các đơn vị đào tạo cần hiểu rõ hơn những nhu cầu, mong muốn của người học để việc kết nối trở

nên dễ dàng hơn. Đối tượng sinh viên của hình thức học từ xa trực tuyến chủ yếu là người đã đi làm, đây là đối tượng có những đặc điểm về nhân khẩu học và đặc điểm về tài chính rất đa dạng. Với mong muốn thu hút nhiều nữa hơn sinh viên tham gia học, nhóm tác giả nhận thấy cần tìm hiểu sâu hơn các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định chọn trường tham gia theo học của sinh viên. Mục đích của nghiên cứu này chỉ ra các yếu tố khả năng chi trả, cơ hội nghề nghiệp, yếu tố truyền thông, đặc điểm trường đại học có ảnh hưởng như thế nào đến quyết định chọn chương trình ĐTTT. Từ đó đưa ra các giải pháp thu hút

* Trường Đại học Mở Hà Nội

thêm đa dạng đối tượng người học hơn nữa, trong đó có đối tượng sinh viên chính quy có nhu cầu học song bằng và sinh viên sắp thi trung học phổ thông (THPT).

Phạm vi nghiên cứu là các học viên đang theo học chương trình đào tạo trực tuyến trường Đại học Mở Hà Nội (EHOU) và từ đó tìm ra kết quả nghiên cứu có ý nghĩa về mặt khoa học và thực tiễn, giúp nâng cao hơn nữa công tác tuyển sinh của HOU

II. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học đã được nhiều tác giả trong nước và nước ngoài thực hiện. Mô hình “A Model of Student College Choice” của Chapman (1981) [5] đưa ra một khung cấu trúc giải thích cho việc lựa chọn trường đại học của học sinh bao gồm hai yếu tố chính là yếu tố cá nhân và yếu tố môi trường xã hội. Yếu tố cá nhân bao gồm: khả năng tài chính, mục tiêu nghề nghiệp và ngành học mong muốn. Yếu tố xã hội môi trường bao gồm: danh tiếng và chất lượng giáo dục, ảnh hưởng từ kỳ vọng của gia đình và bạn bè, đặc điểm địa lý chung của trường đại học.

Hossler, Braxton, & Coopersmith, 1989 [6] định nghĩa “lựa chọn đại học là một quá trình phức tạp, nhiều giai đoạn trong đó một cá nhân phát triển nguyện vọng tiếp tục học tập chính quy sau trung học, quyết định theo học một trường, cao đẳng, đại học hoặc các trung tâm hướng nghiệp và dạy nghề cụ thể. Trong đó nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc ra quyết định khi bước sang giai đoạn trưởng thành của một cá nhân”.

Bài nghiên cứu của nhóm tác giả VM Hieu, NTM Xuyen, DDP Hung (2020) [12] chỉ ra kết quả cho thấy các yếu tố như uy tín của trường, học phí, cơ hội nhập học, cơ hội đối với việc làm sau khi tốt nghiệp, và những người có ảnh hưởng là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của học sinh.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Chi (2018) [4] đã xác định được một loạt các nhân tố quan trọng bao gồm yếu tố cá nhân của học sinh (như nguyện vọng cá nhân, khả năng tài chính, mục tiêu nghề nghiệp), yếu tố gia đình (quyết định của phụ huynh, tình hình tài chính gia đình), và các yếu tố bên ngoài như uy tín của trường, chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất, và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

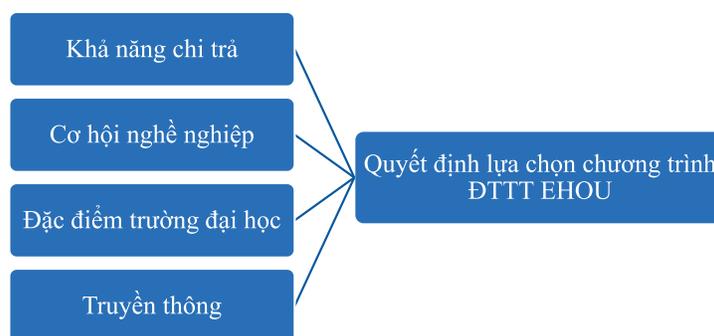
Theo nghiên cứu của Huỳnh Gia Xuyên (2020) [2] đưa ra kết luận yếu tố “nỗ lực của nhà trường để đưa thông tin đến sinh viên” là yếu tố có tầm quan trọng nhất khiến sinh viên phi truyền thống lựa chọn hình thức từ xa tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Các yếu tố như chất lượng dạy – học, công việc tương lai, đặc điểm bản thân và yếu tố người thân cũng góp phần giúp sinh viên đưa ra quyết định theo học.

Các nghiên cứu liên quan đến quyết định lựa chọn trường đại học chủ yếu liên quan đến sinh viên hệ chính quy. Theo góc nhìn cá nhân của nhóm nghiên cứu thì đây là những sinh viên thường được hỗ trợ tài chính cao từ gia đình nên yếu tố tài chính không bị ảnh hưởng nhiều đến quyết định chọn trường theo học, mà nằm ở chính khả năng thi đỗ đầu vào. Trong khi đó, sinh viên hệ từ xa đa số là những người đã đi làm, đây là những đối tượng có những

đặc trưng riêng và chịu ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố tài chính, cơ hội trong công việc khi đưa ra quyết định quay trở lại trường học. Qua khảo sát các cán bộ tuyển sinh tại HOU, ứng viên rất quan tâm đến yếu tố học phí. Thông qua việc tính toán thu nhập, lập kế hoạch cho ngân sách giáo dục, người học sẽ đưa ra quyết định có theo học hệ đào tạo từ xa trực tuyến hay không. Theo tác giả Sean Leaver (2015) [10], “quyết định đầu tư vào giáo dục chủ

yếu được điều khiển bởi các hành vi phi nhận thức và định kiến nhận thức, ảnh hưởng đến việc tham gia giáo dục và động lực duy trì những quyết định đầu tư này”.

Dựa vào việc phân tích các mô hình liên quan đến việc lựa chọn trường đại học, kết hợp với việc xem xét các công trình nghiên cứu trước đó và tình hình thực tiễn ở Việt Nam nói chung cũng như tại HOU nói riêng, nhóm tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu theo cách sau:



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

Các giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau:

- H1: Khả năng chi trả có tác động cùng chiều đến quyết định theo học EHO
- H2: Cơ hội nghề nghiệp có tác động cùng chiều đến quyết định theo học EHO

- H3: Đặc điểm đào tạo của trường đại học có tác động cùng chiều đến quyết định theo học EHO

- H4: Truyền thông có tác động cùng chiều đến quyết định theo học EHO

Ngoài ra các yếu tố nhân khẩu học cũng được đề xuất trong nghiên cứu.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thang đo

Bảng 1: Các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu

STT	Biến quan sát	Ký hiệu	Nguồn tham khảo
I	Khả năng chi trả	CT	
1	Tôi chọn học trực tuyến vì tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại	CT1	Tác giả đề xuất
2	Học trực tuyến là giải pháp phù hợp nhất với người đi làm	CT2	
3	Trường có ngành học phù hợp với nhu cầu và sở thích của bản thân	CT3	
4	Tôi rất quan tâm đến yếu tố học phí khi lựa chọn	CT4	
5	Tôi có so sánh học phí của các trường về ĐTTT trước khi đăng ký học	CT5	

II	Cơ hội nghề nghiệp	CH	
6	Tôi mong muốn sau khi tốt nghiệp có mức thu nhập tốt hơn	CH1	S.G.Washburn (2000); Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009)
7	Tôi có cơ hội tiếp tục học lên cao trong tương lai	CH2	
8	Tôi có cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp	CH3	
9	Tốt nghiệp xong tôi có thể được bố trí công việc tốt hơn	CH4	
10	Tôi học thêm một ngành mới để hỗ trợ cho công việc được tốt hơn	CH5	
III	Đặc điểm trường đại học	ĐH	
11	HOU là đơn vị tiên phong trong ĐTTT	ĐH1	Chapman (1981); M. J. Burn (2006)
12	HOU là đơn vị ĐTTT có uy tín và chất lượng	ĐH2	
13	HOU là có nhiều ngành học và phương thức đào tạo linh hoạt	ĐH3	
14	HOU là trường tôi lựa chọn đầu tiên khi nghĩ đến ĐTTT	ĐH4	
15	HOU có thông tin học phí rõ ràng và đồng nhất cho các ngành	ĐH5	
IV	Yếu tố truyền thông	TT	
16	Tôi biết đến HOU thông qua việc tìm hiểu trên internet	TT1	Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009); Nguyễn Thị Kim Chi (2018)
17	EHOU luôn đứng trong top tìm kiếm trên google	TT2	
18	Tôi biết đến EHOU qua bạn bè giới thiệu	TT3	
19	Tôi biết đầy đủ thông tin của chương trình ĐTTT thông qua cán bộ tư vấn tuyển sinh	TT4	
20	Website của chương trình ĐTTT chứa đầy đủ thông tin tôi cần tìm	TT5	
V	Quyết định lựa chọn	QĐH	
21	Tôi hài lòng với quyết định học EHOU	QĐH1	Trần Huy Cường (2021)
22	Nếu được chọn lại, tôi vẫn quyết định chọn EHOU	QĐH2	
23	Tôi sẽ giới thiệu người thân/bạn bè/đồng nghiệp tham gia EHOU	QĐH3	

3.2. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại HOU qua giai đoạn (1) thực hiện nghiên cứu định tính sơ bộ và (2) tiếp tục với nghiên cứu định lượng chính thức. Mục đích của giai đoạn nghiên cứu định tính là để điều chỉnh và phát triển các công cụ đo lường phù hợp với bối cảnh cụ thể của Việt Nam và HOU. Dựa trên những hiểu biết thu được, chúng tôi tiến hành nghiên cứu định lượng để có thể định lượng hóa thông tin qua các số liệu cụ thể. Việc chọn HOU làm nơi nghiên cứu nhằm khám phá lý do sinh viên chọn học đại học theo hình thức ĐTTT, qua phương pháp lấy mẫu bằng cách sử dụng bảng câu hỏi khảo sát trực tuyến được tạo trên Google Form.

Theo các nhà nghiên cứu Hair và các cộng sự (1998) [7], “đối với phân tích nhân tố EFA thì kích thước mẫu để thực hiện phân tích là ít nhất 5 mẫu trên 1 biến quan sát, tốt nhất là trên 10 mẫu”. Trong nghiên cứu của tác giả có tổng cộng 20 biến quan sát đại diện cho 4 biến độc lập và 3 biến quan sát đại diện cho 1 biến phụ thuộc. Như vậy áp theo tiêu chuẩn thì cỡ mẫu tối thiểu cần đạt trong nghiên cứu là $N=5*20=100$ mẫu. Để tăng độ tin cậy cho nghiên cứu, tác giả sẽ cố gắng lấy cỡ mẫu nhiều nhất có thể trong thời gian cho phép.

Tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất bằng việc nhờ đội ngũ Cố vấn học tập gửi link Google form phiếu khảo sát trực tuyến và các đối tượng khảo sát là sinh viên đang theo học chương trình

ĐTTT EHO. Phiếu khảo sát được gửi đi từ ngày 01/03/2024 đến ngày 08/03/2024 thu về kết quả 350 sinh viên tham gia khảo sát, quá trình kiểm tra và làm sạch kết quả thu được 336 sinh viên có phiếu trả lời

hợp lệ. Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Tác giả sử dụng phương pháp phân tích nhân tố EFA và kiểm tra độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đặc điểm mẫu thống kê

Bảng 2: Mẫu thống kê mô tả

	Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ trọng
Giới tính	Nam	190	56,5%
	Nữ	146	43,5%
	Tổng	336	100%
Độ tuổi	Từ 20 – 30 tuổi	122	36,3%
	Từ 30 – 40 tuổi	138	41,1%
	Từ 40 – 50 tuổi	72	21,4%
	Ngoài 50 tuổi	4	1,2%
	Tổng	336	100%
Ngành đang học	Luật kinh tế	98	29,2%
	Ngôn ngữ Anh	66	19,6%
	Quản trị kinh doanh	58	17,3%
	Tài chính – ngân hàng	25	7,4%
	Kế toán	53	15,8%
	Công nghệ thông tin	36	10,7%
	Tổng	336	100%
Ngành đầu vào	Cùng ngành	63	18,8%
	Khác ngành	170	50,6%
	THPT	103	30,7%
	Tổng	336	100%
Nơi sinh sống	Hà Nội	107	31,8%
	TP. Hồ Chí Minh	28	8,3%
	Địa phương khác	201	59,8%
	Tổng	336	100%
Thu nhập	Dưới 10 triệu	195	58,0%
	Từ 10 – 15 triệu	84	25,0%
	Từ 15 – 20 triệu	28	8,3%
	Trên 20 triệu	29	8,6%
	Tổng	336	100%
Nguồn học phí	Tự túc hoàn toàn	304	90,5%
	Gia đình hỗ trợ cao	17	5,1%
	Gia đình hỗ trợ thấp	10	3,0%
	Cơ quan hỗ trợ	5	1,5%
	Tổng	336	100%

Nguồn: Kết quả tác giả tổng hợp từ khảo sát

4.2. Đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng Cronbach' Alpha

Bảng 3: Kết quả kiểm định thang đo các biến

Biến	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
Khả năng chi trả (CT): Cronbach's Alpha = 0,843		
CT1	0,655	0,811
CT2	0,722	0,791
CT3	0,708	0,797
CT4	0,666	0,806
CT5	0,530	0,851
Cơ hội nghề nghiệp (CH): Cronbach's Alpha = 0.885		
CH1	0,799	0,843
CH2	0,652	0,877
CH3	0,757	0,853
CH4	0,782	0,846
CH5	0,632	0,881
Đặc điểm trường đại học (ĐĐ): Cronbach's Alpha = 0.881		
ĐĐ1	0,686	0,862
ĐĐ2	0,684	0,863
ĐĐ3	0,781	0,839
ĐĐ4	0,731	0,852
ĐĐ5	0,696	0,860
Yếu tố truyền thông (TT): Cronbach's Alpha = 0.787		
TT1	0,646	0,719
TT2	0,635	0,726
TT3	0,536	0,758
TT4	0,465	0,778
TT5	0,558	0,751
Quyết định lựa chọn chương trình EHO (QĐ): Cronbach's Alpha = 0,910		
QĐH1	0,851	0,853
QĐH2	0,829	0,864
QĐH3	0,800	0,891

Nguồn: Kết quả tác giả xử lý trên phần mềm SPSS 20.0

Theo Nunnally (1978), “Một thang đo tốt cần có độ tin cậy Cronbach's Alpha từ 0,7 trở lên”. Hair và cộng sự (2009) cũng tin rằng “thang đo đảm bảo tính đơn chiều và độ tin cậy phải đạt ngưỡng Cronbach's Alpha là 0,7 hoặc cao hơn, nhưng theo nghiên cứu thăm dò sơ bộ, ngưỡng Cronbach's Alpha là 0,6 thì có thể được chấp nhận”. Hệ số Cronbach's Alpha càng cao thì thang đo càng có độ tin cậy cao.

Cristobal và đồng nghiệp (2007) cho rằng “thang đo tốt đạt được khi các biến quan sát có giá trị tương quan tổng hợp từ 0,3 trở lên”. Do đó, trong quá trình đánh giá độ tin cậy của Cronbach's Alpha, nếu tương quan biến tổng thấp hơn 0.3, chúng ta cần cân nhắc loại bỏ biến này. Hệ số tương quan tổng hợp càng cao, biến quan sát tương ứng càng chất lượng.

Bảng 3 tổng hợp kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo với hệ số Cronbach' Alpha như sau: Khả năng chi trả (CT) = 0,843; Cơ hội nghề nghiệp (CH) = 0,885; Đặc điểm trường đại học: (ĐĐ) = 0,881; Yếu tố truyền thông (TT) = 0,787; Quyết định lựa chọn chương trình EHOU (QĐ) = 0,910. Các biến quan sát đều có hệ số Cronbach' Alpha lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 nên có thể kết luận thang đo đảm bảo độ tin cậy. Biến quan sát CT 5 có hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến bằng 0,851; lớn hơn hệ số Cronbach' Alpha của thang đo CT là 0,843. Mặt khác, hệ số tương quan biến tổng biến tổng của CT5 là 0,530 lớn hơn 0,3 và Cronbach's Alpha của thang đo CT đã lớn hơn 0,7. Vì vậy vẫn có thể giữ lại biến CT5 để làm các phân tích tiếp theo.

4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả lần EFA đầu tiên: KMO = 0,922 > 0,5, sig Bartlett's Test = 0,000 < 0,05, như vậy phân tích nhân tố khám phá EFA là phù hợp. Có bốn nhân tố được trích với tiêu chí Eigenvalues lớn hơn 1 với tổng phương sai tích lũy là 66,179% > 50%, như vậy, bốn nhân tố được trích giải thích được 66,179% biến thiên dữ liệu của 20 biến quan sát tham gia vào EFA.

Bảng 4: Ma trận xoay các nhân tố độc lập

Biến quan sát	Thành phần			
	1	2	3	4
Hệ số KMO của biến độc lập = 0,922; Giá trị Eigenvalues = 1,120 Kiểm định Bartlett's Test = 0,000; Tổng phương sai trích (%) = 66,179				
ĐH5	0,763			
ĐH3	0,756			
ĐH4	0,747			

Biến quan sát	Thành phần			
	1	2	3	4
ĐH2	0,734			
ĐH1	0,652			
CH4		0,799		
CH1		0,783		
CH3		0,782		
CH2		0,682		
CH5		0,611		
CT4			0,781	
CT5			0,749	
CT2			0,646	
CT3			0,611	
CT1			0,600	
TT2				0,741
TT4				0,713
TT1				0,625
TT3				0,568
TT5				0,537

Nguồn: Kết quả tác giả xử lý trên phần mềm SPSS 20.0

Từ kết quả tại bảng 4, tác giả rút trích được bốn nhân tố: “Khả năng chi trả”; “Cơ hội nghề nghiệp”; “Đặc điểm trường đại học”; “Truyền thông” cho kết quả hệ số tải nhân tố > 0,5 đảm bảo ý nghĩa nên không loại biến nào. Vậy sau khi kiểm định EFA thì toàn bộ bốn yếu tố và 20 biến quan sát được tác giả giữ lại và thực hiện kiểm định ở bước tiếp theo bao gồm:

- Nhóm nhân tố 1: Đặc điểm trường đại học gồm 5 biến quan sát

- Nhóm nhân tố 2: Khả năng chi trả với 5 biến quan sát

- Nhóm nhân tố 3: Cơ hội nghề nghiệp với 5 biến quan sát

- Nhóm nhân tố 4: Yếu tố truyền thông với 5 biến quan sát

4.4. Phân tích hồi quy tuyến tính

Bảng 5: Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Hệ số Durbin-Watson
1	0,791 ^a	0,625	0,620	0,44260	1,845

Trong kết quả tại bảng 5, giá trị R² hiệu chỉnh bằng 0,620 cho thấy các biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy ảnh hưởng 62% sự biến thiên của biến phụ thuộc, còn lại 38% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Kết quả bảng

Nguồn: Kết quả tác giả xử lý trên phần mềm SPSS 20.0 này cũng đưa ra giá trị Durbin–Watson để đánh giá hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất. Giá trị Durbin-Watson = 1,845; nằm trong khoảng 1,5 đến 2,5 nên kết quả không vi phạm giả định tự tương quan chuỗi bậc nhất (Yahua Qiao, 2011).

Bảng 6: Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
	B	Std. Error	Beta			Độ chấp nhận	VIF
(Hằng số)	-0,290	0,186		-1,562	0,119		
CT	0,342	0,049	0,331	6,963	0,000	0,502	1,992
CH	0,101	0,048	0,103	2,130	0,034	0,488	2,049
ĐĐ	0,301	0,055	0,274	5,425	0,000	0,444	2,254
TT	0,291	0,065	0,222	4,479	0,000	0,462	2,163

Từ kết quả kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến cho thấy 4 biến độc lập đều có giá trị dương, như vậy các biến này có tác động thuận chiều lên biến phụ thuộc (QĐH). Các biến đều có giá trị Sig < 0,05 nên đều có ý nghĩa trong mô hình hồi quy hay nói cách khác là đều có tác động lên biến phụ thuộc. Khả năng chi trả có tác động mạnh nhất (Beta = 0,331), tiếp theo lần lượt là đặc điểm của trường đại học (Beta = 0,274), yếu tố truyền thông (Beta = 0,222), và cơ hội nghề nghiệp (Beta = 0,103).

Hair và cộng sự (2009) cho rằng, “ngưỡng VIF từ 10 trở lên sẽ xảy ra đa cộng tuyến mạnh”. Cụ thể trong bảng trên hệ số VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 10 cho thấy mô hình không có hiện tượng tự tương quan, đa cộng tuyến. Từ các hệ

Nguồn: Kết quả tác giả xử lý trên phần mềm SPSS 20.0 số hồi quy, tác giả xây dựng được phương trình hồi quy đã chuẩn hóa như sau:

$$Y = 0,331*CT + 0,274*ĐĐ + 0,222*TT + 0,103*CH + \varepsilon$$

4.5. Thảo luận kết quả

Khả năng chi trả (Beta = 0,331) có ảnh hưởng thuận chiều dương với quyết định tham gia chương trình EHO. Nghĩa là, khi các yếu tố khác không đổi, nếu khả năng chi trả tăng lên 1 lần thì quyết định tham gia chương trình EHO tăng lên tương ứng 0,331 lần và ngược lại. Đặc điểm trường đại học (Beta = 0,274) có ảnh hưởng thuận chiều dương với quyết định tham gia c tuyến EHO. Nghĩa là, khi các yếu tố khác không đổi, nếu đặc điểm trường đại học tăng lên 1 lần thì quyết định tham gia EHO tăng lên tương ứng 0,274

lần và ngược lại. Yếu tố truyền thông (Beta = 0,222) có ảnh hưởng thuận chiều dương với quyết định tham gia EHOU. Nghĩa là, khi các yếu tố khác không đổi, nếu yếu tố truyền thông tăng lên 1 lần thì quyết định tham gia EHOU tăng lên tương ứng 0,222 lần và ngược lại. Cơ hội nghề nghiệp (Beta = 0,103) có ảnh hưởng thuận chiều dương với quyết định tham gia EHOU. Nghĩa là, khi các yếu tố khác không đổi, nếu cơ hội nghề nghiệp tăng lên 1 lần thì quyết định tham gia chương trình EHOU tăng lên tương ứng 0,103 lần và ngược lại.

V. Một số kiến nghị và hạn chế

5.1. Một số kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hơn nữa công tác tuyển sinh, giữ chân sinh viên đang học và sự kết nối giữa người học và Nhà trường:

- Phương án hợp tác giữa nhà trường và ngân hàng về cơ chế cấp hạn mức tín dụng phù hợp với lãi suất thấp hỗ trợ học phí cho sinh viên có nhu cầu. Giữ học phí ở mức ổn định trong những thời kì kinh tế khó khăn để hỗ trợ người học;

- Hoàn thiện hệ thống ĐTTTT ở mức tối ưu để hỗ trợ tối đa trải nghiệm học tập của sinh viên. Phát triển hệ thống thi trực tuyến toàn diện, sử dụng công nghệ AI;

- Cải thiện giao diện và nội dung website công thông tin, cung cấp cho người dùng chính xác những gì họ cần theo cách nhanh chóng và đơn giản nhất;

- Đẩy mạnh khai thác và tư vấn thêm đối tượng người học là chính viên chính quy muốn học song bằng và đối tượng học sinh muốn sau khi tốt nghiệp THPT có thể vừa đi làm vừa đi học đại học trực tuyến.

5.2. Hạn chế của nghiên cứu

Ngoài những kết quả tác giả đưa ra trong quá trình phân tích, nghiên cứu cũng gặp phải những hạn chế liên quan đến thời gian và độ tin cậy, khi còn phụ thuộc vào kích thước mẫu và phản hồi từ sinh viên tham gia khảo sát. Thực tế, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quyết định chọn lựa chương trình học của sinh viên, đề tài chỉ có khả năng giải thích được 62% sự biến động của 4 yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn EHOU. Còn tới 38% các yếu tố khác vẫn chưa được nghiên cứu đề cập. Ngoài ra, việc phân tích và suy luận kết quả cũng phản ánh quan điểm cá nhân của tác giả. Tất cả những hạn chế này cung cấp một định hướng cho các tác giả khác nghiên cứu trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Hồng Đức
- [2]. Huỳnh Gia Xuyên (2020). Lý do chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh để học đại học hình thức đào tạo Từ xa, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 15(4), 54-65
- [3]. Lê Trần Nam, Nguyễn Quốc Cường. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia chương trình đào tạo sau đại học của ứng viên Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM, *Hội nghị Khoa học trẻ, Trường đại học Công nghiệp TP.HCM, 2023*
- [4]. Nguyễn Thị Kim Chi (2018). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học - trường hợp Hà Nội, *Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

- [5]. Chapman, D. W. (1981). A model of student college choice. *The Journal of Higher Education*, 52(5), 490-505
- [6]. D. Hossler, J. Braxton, and G. Coopersmith, "Understanding student college choice," in *Higher Education: Handbook of Theory and Research*, vol. 5, pp. 231–288, 1989
- [7]. Hair, J. F. J., Anderson, R. E., Tatham, R. L., & Black, W. C. (1998). *Multivariate Data Analysis*. New Jersey: Prentice Hall.
- [8]. Marvin J. Burns. *Factors influencing the college choice of african-american students admitted to the college of agriculture, food and natural resources*. A Thesis presented to the Faculty of the Graduate School. University of Missouri-Columbia (2006).
- [9]. Nguyen, Chi, Hai., Nguyen, Ho, Thanh., Tony, Chau., Ta, Van, Sang., Vo, Dong. (2023). Factors affecting the decision to choose a university of high school students: A study in An Giang Province, Vietnam. *International Journal of Evaluation and Research in Education*, doi: 10.11591/ijere.v12i1.22971.
- [10]. Sean, Leaver. (2015). Behavioural Education Economics. *Social Science Research Network*.
- [11]. Shannon G. Washburn, Bryan L. Garton and Paul R. Vaughn. *Factors Influencing College Choice of Agriculture Students College-Wide Compared with Students Majoring in Agricultural Education*. University of Florida (2000).
- [12]. VM Hieu, NTM Xuyen, DDP Hung (2020). Factors influencing to the university choice of high-schools pupils-an empirical study of Lam Dong province, Vietnam, *Journal of Critical Reviews*
- [13]. Yahua Qiao (2011), *Interstate Fiscal Disparities in America* (2th ed.). New York and London: Routledge.

ANALYSIS OF FACTORS INFLUENCING STUDENTS' CHOICE OF ONLINE TRAINING PROGRAMS AT HANOI OPEN UNIVERSITY

Vu Hoang Duc[†], Do Thi Van Anh[†]

Abstract: *The article aims to analyze the factors that influence students' decisions to choose an online training program at Hanoi Open University. The study was conducted through a random survey of students enrolled in the EHOU program. The results showed that there are four main factors that influence students' decisions, which are personal financial characteristics, career opportunities, university characteristics, and communication factors. Among these factors, personal financial characteristics were identified as the most significant factor in determining a suitable study program. The study's keywords include online training, influencing factors, participation decisions, and behaviors.*

Keywords: *online training, influencing factors, participation decisions, behaviors.*

[†] Hanoi Open University